

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2017/DS-PT
Ngày: 02-8-2017
V/v tranh chấp dân sự
đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lâm.

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2017/TLDS-PT ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HT bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị Minh H, sinh năm 1965; cùng trú tại: Số 238, đường Đ, khu phố NT, phường NS, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956; trú tại: Ấp TP, xã TĐ, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2016); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Tuyết H1, sinh năm 1953; trú tại: Số 38/3 ấp HĐ, xã HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Lê Ngọc P, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 38/1 khu phố 4, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; (theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2017); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Tuyết H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/05/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông B là cán bộ tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh tỉnh Tây Ninh – Phòng giao dịch Phường 3, thành phố Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) nên ông có tham mưu với Ngân hàng cho bà Lê Tuyết H1 vay tiền của Ngân hàng như sau:

- Ngày 19/10/2012 bà H1 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, theo hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-201208627, bà H1 đã tất toán nợ Ngân hàng xong.

- Ngày 14/01/2014 bà H1 vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, theo hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-201400505, bà H1 còn nợ 01 quý chưa đóng lãi.

- Ngày 12/9/2014 bà H1 tiếp tục vay số tiền 390.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, theo hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-201407528, bà H1 còn nợ 03 quý chưa đóng lãi.

Do đến kỳ hạn trả lãi tiền vay, bà H1 không có tiền đóng lãi và nếu bà H1 không đóng lãi cho Ngân hàng thì khoản nợ của bà H1 sẽ chuyển sang nợ xấu

ông B bị trừ lương, bị kiểm điểm không được xét thi đua nên ông B phải bỏ tiền ra đóng lãi thay cho bà H1 04 quý cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/7/2014 ông B đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 10.755.555 đồng.

Lần 2: Ngày 10/3/2015 ông B đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 9.262.500 đồng.

Lần 3: Ngày 08/6/2015 ông B đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 9.262.500 đồng.

Lần 4: Ngày 08/9/2015 ông B đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 9.468.334 đồng.

Tổng cộng 04 lần mà ông B đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 38.748.889 đồng. Sau khi đóng lãi cho Ngân hàng thì ông B có báo cho bà H1 biết và bà H1 có hứa là sẽ trả lại cho ông nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay ông B yêu cầu bà H1 trả lại số tiền 38.748.889 đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng) mà ông đã bỏ ra đóng lãi cho bà H1. Ông B không yêu cầu bà H1 trả lãi.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Huỳnh Lê Ngọc P trình bày:

Bà H1 thừa nhận bà có vay tiền của Ngân hàng tổng cộng là 03 lần. Cụ thể: Ngày 19/10/2012 vay số tiền 300.000.000 đồng; ngày 14/01/2014 vay số tiền 400.000.000 đồng; ngày 12/9/2014 vay số tiền 390.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là để làm vốn kinh doanh lúa gạo, hàng quý bà và con gái bà là P có đóng lãi cho Ngân hàng đầy đủ nên bà không đồng ý trả số tiền 38.748.889 đồng theo yêu cầu của vợ chồng ông B, bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 21/02/2017 Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 256, 302, 304 Bộ luật Dân sự năm 2005; Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn B, bà Đinh Thị Minh H đối với bà Lê Tuyết H1.

Buộc bà Lê Tuyết H1 có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn B và bà Đinh Thị Minh H số tiền tổng cộng 38.748.889 đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng).

Ghi nhận ông B, bà H không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Tuyết H1 phải chịu 1.937.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông B, bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 968.000 đồng (chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002785 ngày 10.6.2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 16 tháng 3 năm 2017 bà Lê Tuyết H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án, bà không đồng ý trả cho ông B, bà H số tiền 38.748.889 đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự. Các bên đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Tuyết H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét kháng cáo, nghe lời trình bày của đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Tuyết H1 thì thấy rằng,

[1] Bà H1 thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Tây Ninh – Phòng giao dịch Phường 3, thành phố Tây

Ninh tổng cộng 03 lần, cụ thể: Ngày 19/10/2012 vay số tiền 300.000.000 đồng; ngày 14/01/2014 vay số tiền 400.000.000 đồng; ngày 12/9/2014 vay số tiền 390.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền, đối với lần vay ngày 14/01/2014 và lần vay ngày 12/9/2014, qua bảng kê do ngân hàng cung cấp thì ông Đoàn Văn B có trực tiếp đóng tiền lãi vào Ngân hàng thay cho bà H1; cụ thể như sau: Ngày 15/07/2014 ông B đóng số tiền 10.755.555 đồng; ngày 10/3/2015 ông B đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 9.262.500 đồng; ngày 08/6/2015 ông B đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 9.262.500 đồng; ngày 08/9/2015 ông đã đóng lãi cho bà H1 số tiền 9.468.334 đồng; tổng cộng là 38.748.889 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Huỳnh Lê Ngọc P cho rằng khi vay tiền của Ngân hàng, bà H1 có đóng lãi đầy đủ cho Ngân hàng thông qua giao dịch với ông B. Chị là người trực tiếp liên lạc với ông B về việc đóng tiền lãi, nếu đến kỳ đóng lãi cho ngân hàng, chị bận làm ăn ở xa không về được thì chị nhờ ông B đóng tiền lãi cho Ngân hàng dùm rồi chị sẽ trả lại ông B; tuy nhiên, chị và ông B giao dịch với nhau không làm giấy tờ. Đối với số tiền 38.748.889 đồng ông B khởi kiện, chị cho rằng chị đã thanh toán với ông B xong, do không làm giấy tờ nên chị không cung cấp được chứng từ chứng minh. Qua các biên lai nộp tiền tại Ngân hàng của 04 quí với số tiền tổng cộng là 38.748.889 đồng đều thể hiện là do ông Đoàn Văn B nộp cho khách hàng là Lê Tuyết H1. Có cơ sở để xác định việc ông B đóng tiền lãi ngân hàng dùm bà H1 là có thật, do đó việc ông B, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả lại số tiền đã bỏ ra đóng lãi thay cho bà H1 là có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 trả cho ông B, bà H số tiền 38.748.889 đồng là đúng qui định của pháp luật. Bà H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh khác cho yêu cầu kháng cáo của mình. Từ những nhận định trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Tuyết H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003816 ngày 17/3/2017, bà H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng do đó bà H1 còn phải nộp thêm 100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 256, 302, 304 Bộ luật Dân sự năm 2005; Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.; Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Tuyết H1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 21/02/2017 Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn B, bà Đinh Thị Minh H đối với bà Lê Tuyết H1.

Buộc bà Lê Tuyết H1 có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn B và bà Đinh Thị Minh H số tiền tổng cộng 38.748.889 đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng).

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Tuyết H1 phải chịu 1.937.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn B, bà Đinh Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 968.000 đồng theo biên lai thu số 0002785 ngày 10/6/2016.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Tuyết H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng bà H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003816 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh Tây Ninh. Bà H1 còn phải nộp 100.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Lâm

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

